

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 303/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên; Bà Phạm Thị Thà.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 323/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị D, sinh năm 1983; ĐKKHKT: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Tầng 7,8,9 và 10 đường W, quận W, thành phố T, Đài Loan.

- Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản: Chị Giáp Thị V, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số D đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1981; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Lương Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 28/01/2003 tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống ở Xóm A, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do kinh tế khó khăn nên năm 2015 chị đi lao động ở Đài Loan. Thỉnh thoảng chị vẫn về thăm gia đình, tuy nhiên sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái. Anh chị đã được hai bên gia đình nội ngoại động viên hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hòa hợp được, không có tiếng nói chung. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, chị và anh H không thể hàn gắn được tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị đề nghị giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 2 con chung là Trần Ngọc H1, sinh ngày 12/12/1999 và Trần Văn H2, sinh ngày 20/8/2005, hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho chị Giáp Thị V thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến ngày 28/01/2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, K, Hải Dương. Quá trình anh chị chung sống không có mâu thuẫn gì nhưng từ khoảng năm 2015 chị D đi lao động ở Đài Loan thì vợ chồng mới có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D thay đổi tình cảm không quan tâm đến anh và gia đình nữa. Chị D không gửi tiền về cho anh. Thời gian đầu chị D thỉnh thoảng có liên lạc về cho anh nhưng khoảng 3 năm trở lại đây thì không liên lạc nữa. Khoảng năm 2021 chị D gọi điện cho anh đòi làm thủ tục ly hôn nhưng anh không đồng ý nên chị D không nộp đơn. Đến nay anh nhận thấy chị D không còn tình cảm với anh nữa, cũng không quay về chung sống với anh, do đó anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 2 con chung là Trần Ngọc H1, sinh ngày 12/12/1999 và Trần Văn H2, sinh ngày 20/8/2005, hiện nay các con chung đều

đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt giữ nguyên các quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Lương Thị D ly hôn anh Trần Văn H; Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Thị D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương hiện chị đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan; bị đơn anh Trần Văn H hiện đang sinh sống tại thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị D không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho chị Giáp Thị V nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của chị đã được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị D, anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/01/2003 tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của chị D, anh H có cơ sở xác định quá trình chị D, anh H chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị D đi xuất khẩu lao động, vợ chồng ở xa nhau nên không còn tình cảm với nhau. Chị D xác định vợ chồng không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, chị không còn tình cảm với anh H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Anh H nhất trí với quan điểm của chị D. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn của chị D, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D, anh H có 02 con chung là Trần Ngọc H1, sinh ngày 12/12/1999 và Trần Văn H2, sinh ngày 20/8/2005, hiện các con chung của anh chị đều đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không phải giải quyết

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị D, xử cho chị Lương Thị D ly hôn anh Trần Văn H.

2. Án phí: Chị Lương Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu

BLTU/23 số 0000789 ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Giáp Thị V nộp thay).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Dương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã P, K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy